TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HSST
Ngày: 17/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH QU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thuý Vinh và bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST – HS ngày 21/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 03/3/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1984; tại B, Qu; nơi ĐKNKTT: thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Qu; nơi cư trú: thôn Th, xã H, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải Ng và bà Hồ Thị Th (đã chết); có vợ là Hồ Thị Hải Y và 03 đứa con: đứa lớn nhất sinh năm 2009, đứa nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/11/2004 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/HSST; Ngày 14/4/2005 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt chung phải chấp hành là 21 tháng tù, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2005/HSST; Ngày 22/9/2006 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2006/HSST đã chấp hành xong hình phạt ngày 07/4/2008 (đã được xoá án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* ông Nguyễn Trí Th, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn 5, xã Lý Nam, huyện B, tỉnh Qu. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn Nội Hoà, xã H, huyện B, tỉnh Qu. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* chị Lê Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn Ngoại H, xã H, huyện B, tỉnh Qu. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/11/2024, Nguyễn Minh D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash, biển kiểm soát 73N1 - 4435 đi từ xã H vào thành phố Đồng Hới để xin việc làm. Khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 1A, cạnh vườn cây tại thôn 10, xã Lý Nam, huyện Bcủa ông Nguyễn Trí Th thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate, màu đen, biển kiểm soát 73V1 - 3039 của ông Th đang dựng bên phải đường quốc lộ 1A, ở hộc bên trái của xe mô tô có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58, màu đen và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A18, màu đen. Thấy xung quanh không có ai nên D đã dừng xe lại, lấy trộm 02 điện thoại nói trên cất giấu vào trong túi quần rồi tiếp tục điều khiển xe di chuyển vào thành phố Đồng Hới.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 144/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bkết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58, trị giá 1.925.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, trị giá 1.387.500 đồng. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là là 3.312.500 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bđã thu và trả lại cho ông Nguyễn Tri Th 01điện thoại di động hiệu Oppo A58, màu đen, và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, màu đen; Thu giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị Lê 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash màu đỏ, biển kiểm soát 73N1 – 4435.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSBT ngày 21 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bđã truy tố bị cáo Nguyễn Minh D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bgiữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: không xem xét. Đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Minh D nhất trí như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều khoản áp dụng và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin hứa sẽ không tái phạm nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được giáo dục cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, xét thấy trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã thu thập được lời khai của những người này, nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Minh D đều thống nhất khai nhận: ngày 16/11/2024, tại đường Quốc lộ 1A, cạnh vườn cây tại thôn 10 xã Lý Nam, huyện B, tỉnh Qu bị cáo Nguyễn Minh D đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động Oppo A58, trị giá 1.925.000 đồng và 01 điện thoại di động Oppo A18, trị giá 1.387.500 đồng của ông Nguyễn Tri Th. Tổng trị giá tài sản mà D chiếm đoạt là 3.312.500 đồng. Xét lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận th cũng như điều khiển hành vi để biết được việc lấy trộm tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do lười lao động thích hưởng thụ từ công sức thành quả của người khác cùng với ý th coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến an ninh trật tự, ảnh hưởng cuộc sống bình yên của nhân dân trên địa bàn.

Bị cáo đã từng nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù, được xoá án tích đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tích cực rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội một cách

bột phát. Điều này chứng tỏ bị cáo là người có ý th coi thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm để răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị hại cũng có một phần lỗi trong việc quản lý tài sản nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt chính:

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện cải tạo bản thân tại địa phương. Vì vậy, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là cũng đủ nghiêm, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Cho đến tại phiên toà hôm nay, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị Lê là chủ sở hữu xe mô tô Suzuki Smash, biển kiểm soát 73N1 - 4435, khi cho Nguyễn Minh D mượn xe mô tô trên bà Lê không biết D sử dụng để làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh D** 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Qu nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh D cho Ủy ban nhân xã H, huyện B, tỉnh Qu giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình

bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Qu;
- CA huyện B;
- VKSND huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Qu;
- UBND xã H;
- THADS huyện B;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm